

Ngô Tất Tố

Gia thế ông Vũ Trọng Phụng

Hình như riêng ở phương Đông, cái nghèo cũng là cái trường
đúc nên văn sĩ.

Đào Tiềm, Lý Bạch, Đỗ Phủ, Hàn Dũ, Bạch Cư Dị, Tô Đông
Pha, mấy tay văn thơ có tiếng ở Tàu ngày xưa đều ở “trường
nghèo” mà ra. Nghèo nhất thì là Đỗ Phủ, Đào Tiềm... Đào đã có
lúc phải đi ăn xin, Đỗ đã bị một đứa con trai chết đói.

Ở ta cũng vậy. Trong hồi gần đây, ông Trần Tế Xương, “một
tuồng rách rưới con như bố”, ông Nghiêm Phúc Đồng “chạy ăn
từng bữa mướt mồ hôi”. Ông Nguyễn Khắc Hiếu tuy có xã hội
giúp đỡ, trước khi nhắm mắt, một số đồ đạc cũng bị tịch thu vì
thiếu tiền nhà.

Thì ra trong cái non nước Đông Phương, những người giàu có,

không ai lọt vào cổng làng văn. Hoặc có, cũng là một số hú họa.

Cái đó không có chi lạ. Giàu thì cơm no, cật ấm, ruột gan lú lúp, người ta còn chưa học văn, tư tưởng vào đâu?

Vậy là riêng ở phương Đông đã có đạo nhất định: Phú quý thì không thể làm nhà văn. Đã làm nhà văn thì đừng mong gì phú quý. Đạo luật đó cũng giống câu Dương Hóa nói trong Mạnh Tử: “Vi phú bất nhân, vị nhân bất phú”.

Thế cũng phải. Cái người đã có tư tưởng học văn để làm thỏa mãn tinh thần của mình, nếu lại giàu về tiền tài, chẳng là chiếm hết hạnh phúc của nhân loại! Trong đạo thừa trừ của tạo vật, không thể có sự bất công như thế.

Bởi vì chắc có luật ấy nên tôi không hề phàn nàn điều gì về thân thế ông Vũ Trọng Phụng.

Trong các nhân vật làng văn hiện thời, ông Phụng là người nghèo lắm. Khắc hẳn những ông Trần Tế Xương và Nghiêm Phúc Đồng, cái nghèo của ông Phụng lại là thể “nghèo gia truyền”, không phải “nghèo lỏi”.

Nhưng người hiếu danh thường hay giấu giếm, gia thế, nếu như tiền nhân nhà họ không có người nào hiển đạt. Ông Phụng không có óc ấy, chính ông kể cho tôi biết tổ phụ ông chỉ làm lý trưởng, thân phụ ông chỉ là một người thường dân và đã tạ thế từ khi ông mới bảy tháng, tổ phụ ông mới ngoài sáu mươi. Ở nơi quê quán, ông không có lấy một tác đất cắm dùi và đã lâu nay, vì khi ông bước chân tới.

“Tur tưởng xã hội của tôi nó đã kết lại từ trong mạch máu”.

Có lần ông nói với tôi như thế.

Người khác nghe những chuyện đó, có lẽ sẽ cho là ông xấu số.

Nhưng tôi, tôi nhận thấy chính là cái may của ông.

Thật vậy.

Nếu được sinh trưởng vào nhà phú quý, hay được học hành thi đỗ, có một việc làm cao lương, thì ông cũng đến làm một cậu ấm phá của, hay một ông chủ xe hơi nhà lầu, xã hội ai còn biết ông là ai, tôi đâu có bạn với ông?

Nhờ về trong máu sắn có tư tưởng xã hội, ông mới nên một nhà văn xã hội, để sản xuất cho người đời một số tác phẩm đáng khóc và đáng cười. Thế là cái nghèo gia truyền của ông có thể kể là một hòn đá tảng trong nền văn học sử của nước nhà vậy.

Tôi biết ông mới từ hồi làm báo Công dân, cách đây độ bốn, năm năm chi đó. Hồi ấy có lẽ là hồi quẫn bách nhất trong đời ông, vì rằng, ngoài báo Công dân ông không có chỗ làm nào khác, mà báo Công dân thì lại chỉ là cơ quan của một bọn anh em nhà văn nghèo dùm rau, dùm bếp làm với nhau, ít khi trả tiền in rồi, trong

kết được có tiền thừa mà trả cho người cầm bút.

Thế nhưng, ông cũng không tỏ ra mình cần tiền. Mỗi khi ở Gia Lâm sang nhà báo, ông cứ cặm cụi cuốc bộ đi, lại cuốc bộ về, hôm nào mỏi lắm mới lấy năm xu đi xe.

Một điều quan trọng hơn nữa là đời ông luôn luôn thấy sự túng thiếu, nhưng không lúc nào ông tự đem sự túng thiếu của mình mà làm phiền lụy người nào, dù khi túng thiếu cực điểm cũng vậy.

Từ bữa nghe ông tạ thế, chẳng riêng gì các bè bạn, phần nhiều độc giả các sách của ông đều lấy làm thương tiếc. Ngoài sự ái ngại cho cái gia đình thảm đạm của ông, người ta còn ái ngại cho cái số mệnh ngắn ngủi của ông là khác.

Đành rằng vậy. Trong một thế giới lắm người bảy tám, chín mươi, mà ông chỉ được có hai mươi tám tuổi, kể cũng thiệt thòi

nhiều lắm.

Tuy vậy, vị tất ông đã chết non.

Đối với vũ trụ vô cùng vô tận, hai mươi tám tuổi với tám chín mươi tuổi không thể kể là ít với nhiều. Vì vậy, Trang Tử mới bảo Bành Tổ là yếu mà đưa trẻ con chết đẹn là thọ.

Thọ hay yếu, không quan hệ với với cái sống nhiều sống ít, nó quan hệ ở chỗ có gì để cho đời sau hay không. Xã hội chỉ thiếu những người làm nên công nghiệp, không thiếu những ông ăn nước thịt ép và bú sữa người. Ngoảnh lại mà xem, những ông bú sữa người và ăn nước thịt ép ngày xưa, đến nay còn có gì là di tích?

Ông Phụng tuy chết, mười mấy tác phẩm của ông vẫn còn sống với mai sau. Thế cũng là thọ.

Nhớ ông, thương ông, tôi cũng như các bạn của ông, nhưng không kể ông là người không thọ. Cái mà tôi lấy làm ân hận chỉ có một câu trả lời khi ông nằm trên giường bệnh.

Ông đau từ mấy năm trước. Trước khi chết độ sáu, bảy tháng, đã có một đêm nguy kịch. Sáng sớm hôm sau, ông cho gọi tôi lên nhà thăm bệnh và nói cho tôi biết rằng: Chiều hôm trước một viên bác sĩ chữa bệnh cho ông đã khuyên ông đi nhà thương. Trong đêm vừa rồi, ông đã làm sẵn mấy bản chúc thư. Ông bị đau phổi, vẫn sốt hâm hấp, ho ra đờm đặc. Từ mấy bữa trước, không thể gượng ngồi dậy được mà chỉ nằm được một bên sườn. Ho cũng đau, nói cũng đau, hể hơi trở mình thì trong sườn nghe có tiếng nước óc ách.

Bấy giờ người ông tuy đã tiêu nước, nhưng, mạch hai tay vẫn còn có lực. Sau khi coi mạch và hỏi các chứng, tôi kê cho ông bài “nhị trần thang” hợp bài “nung thang” gia một lượng ý dĩ và dặn ông uống một ngày hai thang.

Sáng mai, tôi lại lên thăm, ông khoe với tôi bệnh đã bớt nhiều, có lẽ không chết. Từ đó ông cứ uống mãi đơn ấy, tuy thỉnh thoảng cũng thay đổi ít nhiều, những đại thể vẫn không ngoài hai phương thuốc trước.

Một tháng sau, ông dậy được, đã đến thăm tôi ở báo Thời vụ. Đau ngực, đau sườn, tiếng nước óc ách, khỏi cả, chỉ có cái sốt hâm hấp không khỏi và sắc mặt ông vẫn xanh như người hết máu.

Rồi ông nói cho tôi biết trong vài bữa nữa, ông sẽ lên nghỉ Tam Đảo, để tránh cái không khí tù hãm của đất Hà Nội. Lúc ấy tôi có khuyên ông đừng đi, bởi vì ở đó không khí ẩm thấp, không lợi cho người đau phổi. Nhưng ông không nghe.

Lên Tam Đảo được tám ngày, thì ông phải về, vì ho nhiều và hai ống chân bị bại. Bấy giờ ông mới chịu tôi nói đúng và lại bảo tôi kê đơn.

Nghĩ không còn cách gì hơn, tôi lại thêm bớt hai bài thuốc cũ để ông uống xen với bài “nhân sâm dưỡng vinh” bỏ quế và kỳ. Lần này không có công hiệu, uống năm thang thuốc, bệnh tuy không tăng, nhưng cũng không giảm, hai chân vẫn bại không đứng dậy được. Vì muốn trút trách nhiệm cho người khác, tôi cố khuyên ông hãy dùng thuốc tây. Hình như ông cũng nhận thấy ý tôi, nên mới hỏi rằng:

- Bác tưởng tôi có chết không?

Câu hỏi của ông làm cho tôi buồn vô hạn, nhưng tôi vẫn bình tĩnh mà đáp lại rằng:

- Chết làm sao được!

Tôi nói dối ông. Thực ra, bệnh trạng của ông, còn ai dám chắc rằng sống! Tôi đã nhiều lần than với bè bạn rằng ông khó mà qua được đến mùa rét.

Nhưng ông tin tôi, cho nên trong hai tháng trời thôi thuốc ta uống thuốc tây, ông vẫn cho lời tôi nói có lý.

Nghe nói mấy bữa trước ngày lâm chung, ông mong tôi lắm. Không biết mong để làm gì, hay để trách tôi nói dối.

Nếu quả thế, tôi đành phụ ông. Nhưng vì không muốn để ông trước khi từ giã cuộc đời, ngoài cái lo nghèo, lại thêm một cái lo chết. Cho nên tôi phải nói thế. Nói thế vị tất đã là nói dối. Bởi vì một chồng tác phẩm của ông còn kia.

Tao Đàn, số đặc biệt về Vũ Trọng Phụng, 1939